

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÀM YÊN  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 14/01/2022

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mạc Văn Tuyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đàm Thị Kim Duyên - Cán bộ Phòng Tài chính huyện Hàm Yên.

2. Ông: Nguyễn Duy Sự - Cán bộ hưu trí.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:*** Ông Hoàng Đức Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 14/01/2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 209/2021/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Vũ Thị V, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn Ph, xã Th, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

***- Bị đơn:*** Ông Trần Văn G, sinh năm 1973;

Địa chỉ: số 199, thôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

(Bà V và ông G đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***\* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Vũ Thị V trình bày:***

***- Về quan hệ hôn nhân:*** Bà và ông Trần Văn G kết hôn với nhau năm 1994, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện S, tỉnh Ninh Bình ngày 18/12/1994. Việc kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Cuộc sống chung vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến năm 2007 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng hay cãi chửi nhau và không thể chung sống cùng nhau được nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay. Nay bà V xác định không còn tình

cảm vợ chồng với ông G, mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, trầm trọng đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn G.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống bà và ông Trần Văn G có 03 con chung, gồm: Cháu Trần Thị V1, sinh ngày 05/10/1995, cháu Trần Thị Q, sinh ngày 26/5/2000 hiện các cháu đã trưởng thành, đủ khả năng tự lực, nên không yêu cầu giải quyết và cháu Trần Thị L, sinh ngày 15/5/2005, hiện đang ở cùng bà, sau khi ly hôn bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng đến khi trưởng thành và không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về vay nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại đơn xin xét xử vắng mặt ông Trần Văn G trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông và bà Vũ Thị V, sinh năm 1975 - Địa chỉ: Thôn Ph, xã Th, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang kết hôn với nhau vào ngày 18/12/1994 tại UBND xã C, huyện S, tỉnh Ninh Bình. Việc kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Cuộc sống chung vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến khoảng năm 2007 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thực tế vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay. Nay bà V xin ly hôn với ông, ông nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của bà V.

- *Về con chung*: Ông và bà Vũ Thị V có 03 con chung, gồm: Cháu Trần Thị V1, sinh ngày 05/10/1995, cháu Trần Thị Q, sinh ngày 26/5/2000 và cháu Trần Thị L, sinh ngày 15/5/2005. Hiện nay chỉ còn cháu Trần Thị L chưa đủ tuổi trưởng thành và đang ở cùng với bà V, bà V có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Linh đến tuổi trưởng thành và cháu Linh cũng có nguyện vọng ở với mẹ, nên ông nhất trí để bà V nuôi dưỡng cháu Linh.

- *Về tài sản chung*: Ông G xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Ông G xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

\* *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến*:

- *Về tố tụng*: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Bà Vũ Thị V và ông Trần Văn G kết hôn với nhau từ năm 1994 có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện S, tỉnh Ninh Bình ngày 18/12/1994, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2007 phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hiện bà V và ông G đã sống ly thân, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà V và ông G đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các quy định của Luật hôn nhân và gia đình đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà V và xử cho bà Vũ Thị V được ly hôn với ông Trần Văn G. Về con

chung đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Trần Thị L, sinh ngày 15/5/2005 cho bà Vũ Thị V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Vũ Thị V phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bà Vũ Thị V và ông Trần Văn G đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Vũ Thị V và ông Trần Văn G kết hôn với nhau từ năm 1994 có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện S, tỉnh Ninh Bình ngày 18/12/1994, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán của địa phương. Như vậy hôn nhân giữa bà Vũ Thị V và ông Trần Văn G là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án bà V xác định cuộc sống chung vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng không thể hòa hợp được, nên vợ chồng đã sống ly thân nhau.

Hội đồng xét xử thấy rằng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa bà V và ông G. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2007 đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Vì vậy có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà V và ông G đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tồn tại được một gia đình ấm no, bình đẳng, hạnh phúc và tiến bộ. Ngoài ra quá trình giải quyết vụ án ông G cũng nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của bà V. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà V với ông G là phù hợp với quy định tại Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Bà Vũ Thị V và ông Trần Văn G có 03 con chung, gồm: Cháu Trần Thị V1, sinh ngày 05/10/1995, cháu Trần Thị Q, sinh ngày 26/5/2000 hiện đã trưởng thành, đủ khả năng tự lực và cháu Trần Thị L, sinh ngày 15/5/2005, hiện đang ở cùng bà V. Quá trình giải quyết vụ án bà V có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Trần Thị L đến khi trưởng thành và không yêu cầu ông G phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Ông G nhất trí để bà V nuôi dưỡng cháu L theo nguyện vọng. Hội đồng xét xử thấy rằng khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Quá trình giải quyết vụ án qua hỏi ý kiến của cháu Linh thì cháu Linh có nguyện vọng được ở với bà V. Do vậy để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt

của cháu L cần giao cháu Trần Thị L cho bà Vũ Thị V được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật. Do bà V không yêu cầu ông G phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Bà V và ông G cùng xác định không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về vay nợ chung*: Bà V và ông G cùng xác định không có không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Bà Vũ Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các Điều 28; 147; 207; 227; 228; 235; 238; 266; 267; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### **\* Tuyên xử:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho bà Vũ Thị V được ly hôn với ông Trần Văn G.

- *Về con chung*: Giao cháu Trần Thị L, sinh ngày 15/5/2005 cho bà Vũ Thị V được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ông Trần Văn G không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

- *Về án phí*: Bà Vũ Thị V phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0004586, ngày 22/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, Bà V đã nộp đủ án phí.

Ông Trần Văn G không phải chịu án phí.

Bà V và ông G được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được hay niêm yết bản án./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục T.H.A DS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Minh Khương (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mạc Văn Tuyền**







\







